TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1249/2023/QĐST-LĐ	B, ngày 10 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 131, Điều 186, Điều 187, Điều 188 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa hòa giải thành ngày 30/06/2023 giữa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án lao động thụ lý số: 2378/2023/TLST-LĐ ngày 28/11/2022 về việc "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động ",

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Chi M, sinh năm 1980, địa chỉ: 10/62 Hoàng Hoa Thám, phường 7, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Công ty TNHH S, địa chỉ: Tòa nhà Intracom-Lô C2F-cụm SX TTCN Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Đại diện ủy quyền: Ông Phạm Hồng Giang, bà Trương Thị Nga, bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên, địa chỉ: Số 6 ngách 76/6 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. (Theo giấy ủy quyền ngày 19/12/2022)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Chi M và Công ty TNHH S có đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Hồng Giang cùng thống nhất hòa giải để giải quyết dứt điểm vụ kiện với những thỏa thuận như sau:

- Hai bên thống nhất xác định chấm dứt hợp đồng lao động ký ngày 01/6/2008, hợp đồng lao động ký ngày 01/6/2010, phụ lục Hợp đồng lao động ngày 01/4/2020 được ký giữa Công ty TNHH S và bà Nguyễn Thị Chi M kể từ ngày 14/7/2022.

- Công ty TNHH S trả cho bà Nguyễn Thị Chi M, sinh năm 1980 các khoản tiền sau:

+ Trợ cấp thôi việc còn lại (07 tháng, tính từ 1/7/2008 đến 31/12/2008, là thời gian người lao động làm việc trước khi có quy định về đóng bảo hiểm thất nghiệp và 08 tháng thời gian nghỉ thai sản, 4 tháng năm 2012 và 4 tháng năm 2018) = 15 tháng x ½ tháng lương = 26,201,265 đồng (trong đó: Công ty đã thanh toán: 8,638, 646 đồng; Số tiền còn được nhận: 17,562, 979 đồng).

+ Tiền thưởng còn lại: 91,420,000 đồng – 10% thuế TNCN = 82,278,000 đồng

+ Tiền hỗ trợ khi nghỉ việc = 34 935 500 đồng (01 tháng lương)- 10% thuế TNCN= 31,441,950 đồng. Tổng cộng = **131,282,929 đồng**

Trong thời hạn không quá (bảy) 07 ngày làm việc kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH S thanh toán làm một lần cho bà M các khoản tiền nêu trên vào tài khoản của bà M như sau:Tên tài khoản: NGUYỄN THỊ CHI M; Tài khoản Ngân hàng số: 14020516041017, ngân hàng: Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)

Tất cả thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí : Án phí lao động sơ thẩm hòa giải thành là 1.969.244 đồng hai bên thỏa thuận mỗi bên chịu 50% là 984.622 đồng. Công ty TNHH S nộp số tiền là: 984.622 đồng; Bà Nguyễn Thị Chi M được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.B;
- THA DS Q.B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

Nguyễn Viết Xuân